

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

BẢN ÁN SỐ: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 9 năm 2023
(*V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ:

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ: Ông Phạm Văn Toàn.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN: 1/ Bà Nguyễn Thị Phẩm;
2/ Bà Bùi Thị Hào

THƯ KÍ PHIÊN TOÀ: Bà Nguyễn Thị Hương G - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số: 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1993; HKTT: Khu F, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nơi ở hiện nay: No. 145, S, Zhongshan R, T, T, T2.

+ Người được ủy quyền của nguyên đơn nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và chi phí tố tụng: Anh Phạm Tiến H1, sinh năm 1999 (ĐT 078.421.7682) và chị Vũ Thị C, sinh năm 2000 (ĐT 081.736.1568); Đều có địa chỉ: T, số C phố Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: ANH Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; HKTT: Khu F xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang ở Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1971 và bà Đào Thị T3, sinh năm 1971 (là bố mẹ đẻ chị H); Đều trú tại: Khu F, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H, ông C1, bà T3 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn ngày 18 /12 /2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2015 vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, có sự khác biệt nhau trong tính cách và phương pháp nuôi dạy con. Ngoài ra anh D còn chơi cờ bạc, lô đề và nợ nần nhiều nơi dẫn đến vợ chồng hàng ngày thường xuyên cãi nhau khiến cho cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Vì nghĩ thương các con, chúng tôi đã nhiều lần nói chuyện lại, cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung. Đầu năm 2018 vợ chồng chị sang Đài Loan sinh sống và làm việc, đến tháng 10 năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14 /10/2014 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 26/8/2016. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị H). Ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H hiện tại đang ở Đài Loan, chị đề nghị tạm giao cho ông Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1971 và bà Đào Thị T3, sinh năm 1971; Điều trú tại: Khu F, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14 /10/2014 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 26/8/2016 cho đến khi chị H về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn chị H tự nguyện chịu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D vắng mặt.

Tại các biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Thúy L là em gái ruột anh Nguyễn Văn D trình bày: Bố mẹ đẻ chị và anh D đã chết, anh D đang ở Đài Loan. Chị vẫn vẫn thường xuyên liên lạc với anh D qua điện thoại, nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của anh D tại Đài Loan vì anh D đã chuyển nơi ở mới nên chị không thể cung cấp địa chỉ tại Đài Loan của anh D cho Tòa án. Anh D không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn với chị H, anh D có nhờ chị nhận thay anh D các văn bản tố tụng của Tòa án, nên chị đồng ý nhận thay anh D các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan thông báo trực tiếp cho anh D. Anh D và chị H có 02 con chung như trình bày của chị H là đúng. Nếu vợ chồng anh D chị H ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Công sức đóng góp, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị H và anh D thì chị L không biết.

Tại các bản khai ông Nguyễn Hữu C1 và bà Đào Thị T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Chị Nguyễn Thị Bích H là con gái của ông bà, chị H hiện đang ở Đài Loan. Ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị H qua điện thoại.

Anh D và chị H sau khi kết hôn được một hai năm thì cả hai anh chị đều sang Đài Loan làm việc và gửi con cho ông bà nuôi từ nhỏ đến nay. Anh chị Hồng D1 có hai con chung như chị H trình bày là đúng, cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/10/2014 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 26/8/2016. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với ông bà tại khu F, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nếu vợ chồng anh D1 chị H ly hôn ông bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B và Nguyễn Nhật M cho đến khi chị H về Việt Nam. Công sức đóng góp, tài sản chung anh D1 và chị H không có. Nợ chung của vợ chồng chị H và anh D1 ông bà không biết. Ông C1 và bà T3 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông bà.

Tại các bản tự khai cháu Nguyễn Gia B và cháu Nguyễn Nhật M đều đề nghị được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Bích H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H xử: Cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/10/2014 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 26/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Bích H nuôi dưỡng. Hiện chị H đang ở Đài Loan nên tạm giao hai cháu cho ông Nguyễn Hữu C1 và bà Đào Thị T3 (là ông bà ngoại hai cháu và là bố mẹ đẻ chị H) chăm sóc đến khi chị H về Việt Nam. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, nên không xem xét. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị H chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn D; trú tại hộ khẩu thường trú: Khu F, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Anh D hiện đang lao động tại Đài Loan. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

Tại đơn khởi kiện chị H cung cấp địa chỉ của anh D tại Đài Loan, quá trình giải quyết Tòa án đã gửi văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D theo địa chỉ chị H cung cấp, tuy nhiên không tổng đạt được do không đúng địa chỉ, chị H cũng không cung cấp được địa chỉ chính xác của anh D tại Đài Loan. Vì vậy, Tòa án xác minh địa chỉ của anh D thông qua em gái anh D là chị Nguyễn Thị Thúy L. Chị L trình bày: Chị là em gái ruột của anh Nguyễn Văn D trình bày: Bố mẹ chị

đều đã chết, chị thừa nhận anh D vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại, chị cũng đã thông báo cho anh D biết việc chị H xin ly hôn anh D. Anh D có biết việc chị H xin ly hôn, nuôi con với anh D. Tòa án đã yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh D tại Đài Loan nhưng chị L không cung cấp địa chỉ của anh D. Căn cứ công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình thì đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Về việc vụ án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và không hòa giải được: Do anh D đang ở Đài Loan. Chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và không mở phiên họp hòa giải vì vợ chồng chị không thể hàn gắn được và chị có đơn xin vắng mặt. Ông C1 và bà T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ và không hòa giải được. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 5 điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung xét xử vắng mặt anh D, chị H và ông C1 bà T3.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Văn D được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn 18 /12 /2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Theo đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Văn D là hợp pháp. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cho thấy vợ chồng anh D và chị H có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chị H và anh D đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị Nguyễn Thị Bích H xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D có căn cứ được chấp nhận.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp pháp. Chị Nguyễn Thị L (em gái anh D) xác định anh D hiện đang lao động tại Đài Loan, thường xuyên liên lạc với chị và gia đình qua điện thoại nhưng anh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D tại Đài Loan, việc chị H xin ly hôn, nuôi con anh D có biết và có đồng ý ly hôn. Chị L cam kết nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh D. Việc anh D biết và không có mặt tại các buổi làm việc với Tòa án, không có bản tự khai gửi Tòa án thể hiện việc anh D từ chối quyền trình bày tại Tòa án.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14 /10/2014 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 26/8/2016. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị H). Ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng.

Trong thời gian chị H ở nước ngoài ông C1 và bà T3 đồng ý nhận nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu vì hai cháu ở với ông bà từ nhỏ, ông C1 và bà T3 cũng đồng ý

với quan điểm của chị H về việc chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được chấp nhận nên giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14 /10/2014 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 26/8/2016 cho chị H nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hữu C1 và bà Đào Thị T3 tạm thời trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu cho đến khi chị H về Việt Nam. Chị H và anh D có quyền đề nghị thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con trong một vụ án khác nếu có yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, anh D không có mặt ở Việt Nam nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Khoản 2 Điều 279; khoản 5 điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14 /10/2014 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 26/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Bích H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị H không có mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu B và cháu M cho ông Nguyễn Hữu C1 và bà Đào Thị T3 (là ông bà ngoại cháu B và cháu M) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B và cháu M cho đến khi chị H về Việt Nam. Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cùng chị, đây là sự tự nguyện của đương sự nên được chấp nhận. Chị H và anh D có quyền đề nghị thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con trong một vụ án khác nếu có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét.

4/ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm (Xác nhận chị H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000540 ngày 14/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ do chị Vũ Thị C nộp thay).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Xuân Huy
- Dương sự;
- Lưu HS- AV./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Toàn